

Số: **1785** /QĐ-NNH

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2009 - 2010

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 283/QĐ-TTg ngày 14/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Nông nghiệp I thành Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng được quy định tại Quyết định số 153/2003/TTg, ngày 30/7/2003 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-NNH ngày 16/9/2010 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu thi đua năm học 2009 - 2010 (Chiến sỹ thi đua cơ sở: 271 người; Lao động tiên tiến: 581 người) cho cán bộ, viên chức của Trường có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Kèm theo danh hiệu, mỗi cán bộ, viên chức được thưởng mức tiền thưởng là 730.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở; 220.000 đồng/1 người đối với danh hiệu Lao động tiên tiến, trích từ quỹ khen thưởng của Trường

Số tiền : 271 người x 730.000 đồng = 197.830.000 đồng

 581 người x 220.000 đồng = 127.820.000 đồng

Tổng số tiền: 197.830.000 đồng + 128.040.000 đồng = **325.650.000 đồng**

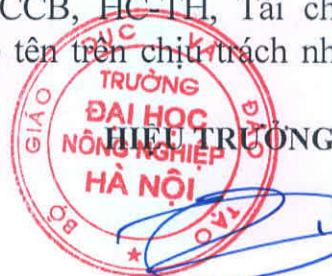
(Ba trăm hai mươi năm triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng)

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà) Trưởng phòng TCCB, HC-TH, Tài chính-Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các cá nhân có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 4;
- Lưu VTHC, TC.



PGS.TS. Trần Đức Viên

DANH SÁCH CÁN BỘ, VIÊN CHỨC
ĐẠT DANH HIỆU CHIẾN SĨ THI ĐUA CƠ SỞ NĂM HỌC 2009 - 2010
(Kèm theo Quyết định số 1785 /QĐ-NNH ngày 08 tháng 10 năm 2010)

STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
1	Hà Thị Thanh	Bình	1	Canh tác học	730,000	
2	Nguyễn Xuân	Mai	1	Canh tác học	730,000	
3	Ngô Bích	Hào	1	Bệnh cây	730,000	
4	Nguyễn Văn	Viên	1	Bệnh cây	730,000	
5	Hà Việt	Cường	1	Bệnh cây	730,000	
6	Ninh Thị	Phép	1	Cây công nghiệp	730,000	
7	Vũ Đình	Chính	1	Cây công nghiệp	730,000	
8	Nguyễn Đình	Vinh	1	Cây công nghiệp	730,000	
9	Nguyễn Thế	Hùng	1	Cây lương thực	730,000	
10	Nguyễn Thiện	Huyền	1	Cây lương thực	730,000	
11	Trần Đình	Chiến	1	Côn trùng	730,000	
12	Đặng Thị	Dung	1	Côn trùng	730,000	
13	Hồ Thị Thu	Giang	1	Côn trùng	730,000	
14	Nguyễn Thị Kim	Oanh	1	Côn trùng	730,000	
15	Nguyễn Thị	Lan	1	Hệ thống nông nghiệp	730,000	
16	Trần Thị	Ngọc	1	Hệ thống nông nghiệp	730,000	
17	Vũ Văn	Liết	1	Di truyền giống	730,000	
18	Nguyễn Hồng	Minh	1	Di truyền giống	730,000	
19	Trần Văn	Quang	1	Di truyền giống	730,000	
20	Lê Thị	Thắm	1	Rau - Hoa - Quả	730,000	
21	Phạm Thị	Hương	1	Rau - Hoa - Quả	730,000	
22	Đoàn Văn	Lư	1	Rau - Hoa - Quả	730,000	
23	Trần Thị Minh	Hằng	1	Rau - Hoa - Quả	730,000	
24	Phạm Thị Minh	Phượng	1	Rau - Hoa - Quả	730,000	
25	Nguyễn Hạnh	Hoa	1	Thực vật	730,000	
26	Bùi Văn	Đoàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	730,000	
27	Đoàn Thị	Liên	2	Chăn nuôi chuyên khoa	730,000	
28	Mai Thị	Thơm	2	Chăn nuôi chuyên khoa	730,000	
29	Nguyễn Xuân	Trạch	2	Chăn nuôi chuyên khoa	730,000	
30	Vũ Đình	Tôn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	730,000	
31	Lê Thị Thu	Nhàn	2	Chăn nuôi chuyên khoa	730,000	
32	Đình Văn	Chính	2	Di truyền Giống gia súc	730,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
33	Đặng Vũ	Bình	2	Di truyền Giống gia súc	730,000	
34	Phan Xuân	Hào	2	Di truyền Giống gia súc	730,000	
35	Nguyễn Chí	Thành	2	Di truyền Giống gia súc	730,000	
36	Vũ Thị	Hiền	2	Sinh học động vật	730,000	
37	Lê Mạnh	Dũng	2	Sinh học động vật	730,000	
38	Nguyễn Thị Thanh	Hà	2	Sinh học động vật	730,000	
39	Nguyễn Thị Tuyết	Lê	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	730,000	
40	Tôn Thất	Sơn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	730,000	
41	Bùi Quang	Tuấn	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	730,000	
42	Bùi Văn	Định	2	Dinh dưỡng và Thức ăn	730,000	
43	Kim Văn	Vạn	2	Nuôi trồng thủy sản	730,000	
44	Nguyễn Bá	Mùi	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	730,000	
45	Đặng Thái	Hải	2	Hoá sinh - Sinh lý động vật	730,000	
46	Nguyễn Thị	Xuyên	2	Văn phòng	730,000	
47	Nguyễn Thị	Thu	2	Phòng TN Trung tâm	730,000	
48	Cao Việt	Hà	3	Khoa học đất	730,000	
49	Nguyễn Hữu	Thành	3	Khoa học đất	730,000	
50	Nguyễn Xuân	Thành	3	Vi sinh vật	730,000	
51	Nguyễn Quang	Học	3	Quy hoạch đất	730,000	
52	Nguyễn Khắc	Thời	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	730,000	
53	Trần Quốc	Vinh	3	Trắc địa BD và Thông tin địa lý	730,000	
54	Đoàn Văn	Điểm	3	Sinh thái nông nghiệp	730,000	
55	Trần Danh	Thìn	3	Sinh thái nông nghiệp	730,000	
56	Nguyễn Thanh	Lâm	3	Sinh thái nông nghiệp	730,000	
57	Trần Đức	Viên	3	Quản lý môi trường	730,000	
58	Lương Văn	Vượt	4	Cơ học kỹ thuật	730,000	
59	Đặng Đình	Trình	4	Cơ học kỹ thuật	730,000	
60	Nguyễn Xuân	Thiết	4	Cơ học kỹ thuật	730,000	
61	Nguyễn Chung	Thông	4	Cơ học kỹ thuật	730,000	
62	Nguyễn Văn	Đạt	4	Điện kỹ thuật	730,000	
63	Ngô Trí	Dương	4	Điện kỹ thuật	730,000	
64	Nguyễn Thái	Học	4	Điện kỹ thuật	730,000	
65	Đào Quang	Kế	4	Công nghệ cơ khí	730,000	
66	Nguyễn Viết	Lầu	4	Máy nông nghiệp	730,000	
67	Hà Đức	Thái	4	Máy nông nghiệp	730,000	
68	Nguyễn Ngọc	Quế	4	Động lực	730,000	
69	Bùi Hải	Triều	4	Động lực	730,000	
70	Nông Văn	Vìn	4	Động lực	730,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
71	Đặng Tiến	Hòa	4	Động lực	730,000	
72	Hàn Trung	Dũng	4	Động lực	730,000	
73	Lê Anh	Sơn	4	Động lực	730,000	
74	Đặng Ngọc	Danh	4	Động lực	730,000	
75	Trần Như	Khuyên	4	TB bảo quản và CBNS	730,000	
76	Trần Văn	Đức	5	Kinh tế	730,000	
77	Nguyễn Phúc	Thọ	5	Kinh tế	730,000	
78	Lương Xuân	Chính	5	Kinh tế	730,000	
79	Lê Bá	Chức	5	Kinh tế	730,000	
80	Nguyễn Tất	Thắng	5	Kinh tế	730,000	
81	Mai Thanh	Cúc	5	Phát triển nông thôn	730,000	
82	Nguyễn Trọng	Đắc	5	Phát triển nông thôn	730,000	
83	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	5	Phát triển nông thôn	730,000	
84	Nguyễn Thị Minh	Hiền	5	Phát triển nông thôn	730,000	
85	Đỗ Thị Thanh	Huyền	5	Phát triển nông thôn	730,000	
86	Quyền Đình	Hà	5	Phát triển nông thôn	730,000	
87	Vi Văn	Năng	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	730,000	
88	Vũ Thị Phương	Thụy	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	730,000	
89	Nguyễn Văn	Song	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	730,000	
90	Nguyễn Mậu	Dũng	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	730,000	
91	Phạm Thanh	Lan	5	Kinh tế Tài nguyên và MT	730,000	
92	Trần Đình	Thao	5	Phân tích định lượng	730,000	
93	Ngô Thị	Thuận	5	Phân tích định lượng	730,000	
94	Nguyễn Hữu	Ngoan	5	Phân tích định lượng	730,000	
95	Đặng Xuân	Lợi	5	Phân tích định lượng	730,000	
96	Lê Khắc	Bộ	5	Phân tích định lượng	730,000	
97	Nguyễn Thị Dương	Nga	5	Phân tích định lượng	730,000	
98	Đỗ Trường	Lâm	5	Phân tích định lượng	730,000	
99	Phạm Văn	Hùng	5	Phân tích định lượng	730,000	
100	Nguyễn Hữu	Nhuân	5	Phân tích định lượng	730,000	
101	Dương Văn	Hiếu	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	
102	Đình Văn	Đăn	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	
103	Nguyễn Các	Mác	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	
104	Phạm Văn	Đình	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	
105	Nguyễn Phụng	Lê	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	
106	Nguyễn Thị Minh	Thu	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	
107	Đỗ Kim	Chung	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	
108	Nguyễn Thị	Thiêm	5	Kinh tế nông nghiệp và Chính sách	730,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
109	Nguyễn Thị	Nhuân	5	TT Thông tin - TH thực hành KT và PT	730,000	
110	Hoàng Thị	Hằng	5	TT Thông tin - TH thực hành KT và PT	730,000	
111	Nguyễn Thị	Hường	5	TT Thông tin - TH thực hành KT và PT	730,000	
112	Tổng Phương	Anh	5	TT Thông tin - TH thực hành KT và PT	730,000	
113	Phan Thị Thu	Phương	5	TT Thông tin - TH thực hành KT và PT	730,000	
114	Nguyễn Ngọc	Diệp	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	730,000	
115	Lê Thị	Ngân	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	730,000	
116	Nguyễn Thanh	Thế	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	730,000	
117	Dương Đức	Đại	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	730,000	
118	Lê Thị	Xuân	6	Nguyên lý của CN Mác - Lênin	730,000	
119	Tạ Quang	Giảng	6	Đường lối CM của ĐCSVN	730,000	
120	Lê Văn	Thai	6	Đường lối CM của ĐCSVN	730,000	
121	Vũ Hải	Hà	6	Đường lối CM của ĐCSVN	730,000	
122	Vũ Thị Thu	Hà	6	Đường lối CM của ĐCSVN	730,000	
123	Nguyễn Thị	Khanh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	730,000	
124	Trần Lê	Thanh	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	730,000	
125	Nguyễn Văn	Yến	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	730,000	
126	Vũ Văn	Tuấn	6	Pháp luật	730,000	
127	Nguyễn Thị	Ngân	6	Pháp luật	730,000	
128	Đỗ Thị Kim	Hương	6	Pháp luật	730,000	
129	Ngô Trung	Thành	6	Xã hội học	730,000	
130	Nguyễn Thị	Diễn	6	Xã hội học	730,000	
131	Nguyễn Thị Lập	Thu	6	Xã hội học	730,000	
132	Nguyễn Tất	Thắng	7	Tâm lý và Phương pháp giáo dục	730,000	
133	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	7	Tâm lý và Phương pháp giáo dục	730,000	
134	Trương Thị	Hoa	7	Tâm lý và Phương pháp giáo dục	730,000	
135	Đặng Thị	Vân	7	Tâm lý và Phương pháp giáo dục	730,000	
136	Phạm Thị Tuyết	Thanh	7	Lý thuyết Tiếng	730,000	
137	Hà Thị	Lan	7	Lý thuyết Tiếng	730,000	
138	Nguyễn Thị Minh	Tâm	7	Lý thuyết Tiếng	730,000	
139	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	7	Lý thuyết Tiếng	730,000	
140	Nguyễn Thị	Nga	7	Lý thuyết Tiếng	730,000	
141	Phạm Thị	Hằng	7	Thực hành Tiếng	730,000	
142	Ngô Thị Thanh	Tâm	7	Thực hành Tiếng	730,000	
143	Lê Năng	Văn	7	Thực hành Tiếng	730,000	
144	Vũ Thị Minh	Châu	7	Thực hành Tiếng	730,000	
145	Đỗ Thế	Bảo	7	Thực hành Tiếng	730,000	
146	Ngô Xuân	Mạnh	8	HS-CN sinh học thực phẩm	730,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
147	Giang Trung	Khoa	8	Công nghệ chế biến	730,000	
148	Nguyễn Đức	Doan	8	Công nghệ chế biến	730,000	
149	Nguyễn Mạnh	Khải	8	Công nghệ Sau thu hoạch	730,000	
150	Nguyễn Thị Bích	Thủy	8	Công nghệ Sau thu hoạch	730,000	
151	Trần Thị Lan	Huong	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	730,000	
152	Nguyễn Thị Hoàng	Lan	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	730,000	
153	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	8	Thực phẩm và Dinh dưỡng	730,000	
154	Trần Văn	Quyên	9	Ký sinh trùng	730,000	
155	Nguyễn Văn	Thọ	9	Ký sinh trùng	730,000	
156	Chu Đức	Thắng	9	Nội - Chẩn - Dược lý	730,000	
157	Phạm Ngọc	Thạch	9	Nội - Chẩn - Dược lý	730,000	
158	Bùi Thị	Tho	9	Nội - Chẩn - Dược lý	730,000	
159	Trần Tiến	Dũng	9	Ngoại sản	730,000	
160	Nguyễn Văn	Thanh	9	Ngoại sản	730,000	
161	Vũ Như	Quán	9	Ngoại sản	730,000	
162	Phạm Văn	Tự	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	730,000	
163	Nguyễn Thị Kim	Thoa	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	730,000	
164	Trịnh Đình	Thâu	9	Tổ chức - Giải phẫu - Phôi thai	730,000	
165	Nguyễn Bá	Hiên	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	730,000	
166	Lê Văn	Lãnh	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	730,000	
167	Huỳnh Thị Mỹ	Lệ	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	730,000	
168	Tạ Thị Kim	Chung	9	Vi sinh vật - Truyền nhiễm	730,000	
169	Vũ Kim	Hoa	9	Thú y cộng đồng	730,000	
170	Phạm Hồng	Ngân	9	Thú y cộng đồng	730,000	
171	Nguyễn Hữu	Nam	9	Bệnh lý thú y	730,000	
172	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	9	Bệnh lý thú y	730,000	
173	Nguyễn Thị	Lan	9	Bệnh lý thú y	730,000	
174	Trần Thị	Giang	9	Văn phòng	730,000	
175	Bùi Nguyên	Viễn	10	Toán học	730,000	
176	Lê Đức	Vĩnh	10	Toán học	730,000	
177	Nguyễn Thị Kim	Bình	10	Toán học	730,000	
178	Đỗ Thị	Huệ	10	Toán học	730,000	
179	Nguyễn Thị Minh	Tâm	10	Toán học	730,000	
180	Nguyễn Thị Bích	Thủy	10	Toán học	730,000	
181	Đặng Thị Thanh	Bình	10	Văn phòng	730,000	
182	Nguyễn Hà	Thanh	10	Toán học	730,000	
183	Nguyễn Thuý	Hằng	10	Toán học	730,000	
184	Vũ Thị Thu	Giang	10	Toán học	730,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
185	Nguyễn Hữu	Du	10	Toán học	730,000	
186	Trần Trung	Dũng	10	Toán học	730,000	
187	Lê Thị Diệu	Thùy	10	Toán học	730,000	
188	Nguyễn Thị	Phương	10	Vật lý	730,000	
189	Bùi Thị	Thu	10	Vật lý	730,000	
190	Hồ Thị Hồng	Lan	10	Vật lý	730,000	
191	Đoàn Văn	Cán	10	Vật lý	730,000	
192	Trần Đình	Đông	10	Vật lý	730,000	
193	Lương Minh	Quân	10	Vật lý	730,000	
194	Đào Trọng	Thắng	10	Công nghệ phần mềm	730,000	
195	Lê Thị Minh	Thùy	10	Công nghệ phần mềm	730,000	
196	Lê Thị	Nhung	10	Công nghệ phần mềm	730,000	
197	Phan Trọng	Tiến	10	Công nghệ phần mềm	730,000	
198	Đinh Xuân	Pháp	10	Công nghệ phần mềm	730,000	
199	Nguyễn Duy	Bình	10	Công nghệ phần mềm	730,000	
200	Ngô Tuấn	Anh	10	Khoa học máy tính	730,000	
201	Nguyễn Văn	Định	10	Toán - Tin ứng dụng	730,000	
202	Phạm Hạ	Thùy	10	Toán - Tin ứng dụng	730,000	
203	Nguyễn Thị	Tâm	11	Kế toán	730,000	
204	Bùi Thị	Phúc	11	Kế toán	730,000	
205	Nguyễn Xuân	Tiến	11	Kế toán	730,000	
206	Trần Quang	Trung	11	Kế toán	730,000	
207	Kim Thị	Dung	11	Tài chính	730,000	
208	Lê Hữu	ảnh	11	Tài chính	730,000	
209	Nguyễn Anh	Trụ	11	Marketing	730,000	
210	Trần Hữu	Cường	11	Marketing	730,000	
211	Trần Thị Thu	Hương	11	Marketing	730,000	
212	Chu Thị Kim	Loan	11	Marketing	730,000	
213	Đỗ Thành	Xương	11	TT Tư vấn và LK Đào tạo	730,000	
214	Nguyễn Quốc	Chính	11	Quản trị kinh doanh	730,000	
215	Bùi Thị	Nga	11	Quản trị kinh doanh	730,000	
216	Vũ Đình	Hòa	12	Công nghệ sinh học ứng dụng	730,000	
217	Phan Hữu	Tôn	12	Công nghệ sinh học ứng dụng	730,000	
218	Tổng Văn	Hải	12	Công nghệ sinh học ứng dụng	730,000	
219	Nguyễn Tất	Cảnh	13	KHCN và HTQT	730,000	
220	Lê Thị Bích	Liên	13	KHCN và HTQT	730,000	
221	Ngô Văn	Trạm	14	Tài chính - Kế toán	730,000	
222	Bùi Bằng	Đoàn	14	Tài chính - Kế toán	730,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
223	Bùi Thị Kim	Vân	15	TCCB	730,000	
224	Lê Ngọc	Tú	15	TCCB	730,000	
225	Nguyễn ích	Tân	15	TCCB	730,000	
226	Nguyễn Thị	Cúc	15	TCCB	730,000	
227	Hoàng Văn	Sỹ	16	Đào tạo đại học	730,000	
228	Nguyễn Duy	Thanh	16	Đào tạo đại học	730,000	
229	Dương Chí	Dũng	16	Đào tạo đại học	730,000	
230	Nguyễn Văn	Dung	16	Đào tạo đại học	730,000	
231	Bùi Trần Anh	Đào	16	Đào tạo đại học	730,000	
232	Nguyễn Quang	Tự	16	Đào tạo đại học	730,000	
233	Nguyễn Thị Lý	Anh	17	Viện Sinh học Nông nghiệp	730,000	
234	Quyền Đình	Hà	18	VT-HC	730,000	
235	Nguyễn Thị Hà	Nam	18	VT-HC	730,000	
236	Nguyễn Công	Tiếp	18	VT-HC	730,000	
237	Ngô Văn	Tuấn	18	Đội xe	730,000	
238	Phạm Quốc	Việt	18	Đội xe	730,000	
239	Đặng Bá	Chính	19	Quản trị - Thiết bị	730,000	
240	Võ Văn	Nam	19	Quản trị - Thiết bị	730,000	
241	Nguyễn Ngọc	Kính	19	Quản trị - Thiết bị	730,000	
242	Hoàng Văn	Hung	20	Giáo dục thể chất	730,000	
243	Nguyễn Đăng	Thiện	20	Giáo dục thể chất	730,000	
244	Dương Mạnh	Đức	20	TT Thể thao - Văn hoá	730,000	
245	Nguyễn Thị	Xá	20	TT Thể thao - Văn hoá	730,000	
246	Vũ Ngọc	Huyền	21	Phòng CTCT và CTSV	730,000	
247	Nguyễn Ngọc	ánh	21	Phòng CTCT và CTSV	730,000	
248	Phan Văn	Đồng	22	TT Thông tin - Thư viện	730,000	
249	Nguyễn Viết	Duy	22	TT Thông tin - Thư viện	730,000	
250	Hoàng Đức	Liên	22	TT Thông tin - Thư viện	730,000	
251	Phạm Thị Thanh	Mai	22	TT Thông tin - Thư viện	730,000	
252	Lê Đình	Thọ	23	Đường lối Quân sự	730,000	
253	Nguyễn Trọng	Thắng	23	Chiến Thuật	730,000	
254	Trần Văn	Quốc	23	Chiến Thuật	730,000	
255	Nguyễn Văn	Muốn	24	Phòng Khảo thí và ĐB chất lượng	730,000	
256	Hoàng Xuân	Anh	24	Phòng Khảo thí và ĐB chất lượng	730,000	
257	Lê Thị	Liên	24	Phòng Khảo thí và ĐB chất lượng	730,000	
258	Nguyễn Thị Hương	Thơm	24	Phòng Khảo thí và ĐB chất lượng	730,000	
259	Nguyễn Thị Thúy	Vinh	27	Trạm Y tế	730,000	
260	Nguyễn Văn	Quân	28	CT Tư vấn và DVKHNN I	730,000	



STT	Họ đệm	Tên	Mã	Đơn vị	Số tiền (đồng)	Ký nhận
261	Nguyễn Ngọc	Sơn	29	TT Thực nghiệm và ĐT nghề	730,000	
262	Lê Ngọc	Hương	30	KTX Sinh viên	730,000	
263	Cao Thị Ngọc	Mậu	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	730,000	
264	Đỗ Lê	Anh	39	Trung tâm Ngoại ngữ ĐHNN	730,000	
265	Bùi Việt	Đức	40	Viện PT Công nghệ Cơ - Điện	730,000	
266	Nguyễn Văn	Đĩnh	41	Viện Đào tạo Sau đại học	730,000	
267	Nguyễn Tuấn	Sơn	41	Viện Đào tạo Sau đại học	730,000	
268	Phạm Văn	Cường	41	Viện Đào tạo Sau đại học	730,000	
269	Nguyễn Thị	Tú	90	Ban Thanh tra giáo dục	730,000	
270	Nguyễn Huy	Cường	90	Ban Thanh tra giáo dục	730,000	
271	Vũ Thị	Thu	90	Ban Thanh tra giáo dục	730,000	
Cộng					197,830,000	

Bằng chữ: Một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng chẵn

